TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 67/2023/HS-ST
Ngày 25/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hiển.

2. Ông Hà Huy Khoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐ-HĐXX ngày 28 tháng 6 năm 2023 và số 16/2023/QĐ-HĐXX ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc T, sinh năm 1985 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc L, sinh năm 1948 và bà Nghiêm Thị Q, sinh năm1948; có vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Là đối tượng đang điều trị Methadon để cai nghiện ma túy; bị tạm giữ từ ngày 29/3/2023 đến ngày 01/4/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. Lã Tiểu Ngọc Tuấn A, sinh năm 1998 tại Đắc Lắk; nơi cư trú: Thôn Đ4, xã Đ2, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lã Hồng B1, sinh năm 1971và bà Phạm Thị Thúy L1, sinh năm 1974; có vợ là Nguyễn Thùy L2, sinh năm 2003 và có 01 con (mới sinh tháng 6/2023); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3323/QĐ-XPHC ngày 30/9/2016 của Công an huyện Đông Hưng xử phạt bằng hình thức cảnh cáo về hành vi

gây rối trật tự công cộng; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

3. Bùi Tú A2, sinh năm 1995 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Axã A3, huyện Q1, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Duy Đ5, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; có vợ là Tòng Thị C, sinh năm 1999, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại:* Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ3, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt).

* *Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Văn K2, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ3, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Chiến C2, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ3, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt).

- Bà Nghiêm Thị Q, sinh năm 1948; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 26/3/2023, Lê Ngọc T đi xe đạp từ nhà ở thôn B, xã Đ1, huyện Đ đến khu vực chân cầu Nguyễn 2 thuộc địa phận xã Đ6 , huyện Đ để xem câu cá; khi T đi đến đoạn đường thuộc cánh đồng thôn B, xã Đ6, Thao nhìn thấy chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển kiểm soát 17B3-513.40, của anh Nguyễn Trung K để cạnh đường, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa, T quan sát thấy không có ai trông coi, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Thực hiện ý định đó, T để chiếc xe đạp của mình lại rồi đi đến chiếc xe mô tô dùng tay phải mở khóa điện nổ máy, điều khiển xe đi ra đường Quốc lộ 10 để tẩu thoát. Lúc này anh K đang hái rau cách đó khoảng 50 mét nghe thấy tiếng động cơ xe mô tô nổ nhìn lên đường thấy chiếc xe của mình bị trộm cắp liền tri hô để đuổi theo nhưng không kịp, anh K đi xe đạp của T về nhà và đăng bài lên mạng xã hội Facebook nhờ cộng đồng mạng tìm hộ. Sau khi trộm cắp được xe mô tô của anh K, T mang về nhà mình cất giấu, đến khoảng 07 giờ ngày 27/3/2023, Thao mang đến nhà Lã Tiểu Ngọc Tuấn A là bạn nhờ bán hộ, vì T biết trước đây Tuấn A làm thuê ở quán cầm đồ nên sẽ biết nhiều chỗ bán xe. Mặc dù biết rõ chiếc xe mô tô Thao trộm cắp được mà có nhưng Tuấn A đã nhận lời và cùng T mang xe đi bán nhưng không bán được, đến khoảng 11 giờ cùng ngày Tuấn A bảo T mang xe vào gửi tại Bệnh viện đa khoa Phụ Dực ở thị trấn An Bài, huyện Quỳnh phụ. Sau khi gửi xe, Tuấn A cho T mượn 50.000 đồng để T đi xe ôm về còn Tuấn A đi về một mình để tránh bị phát hiện. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Tuấn A gọi điện cho bạn là Bùi Tú A2, bảo "Anh ơi có thằng mới nhảy được con xe anh có mua không" (ý là xe trộm cắp được), Tú A2 hỏi "Nó nhảy

ở đâu", Tuấn A bảo "Nó mới nhảy được ở ngã tư Gia Lễ", Tú A2 bảo "Thôi cứ để đấy anh xem chứ xe ăn trộm cũng hơi ghê". Khoảng 23 giờ cùng ngày, Tuấn A2 đến nhà T để lấy số điện thoại gửi cho Tú A2 để liên lạc bán xe và chở T đến Bệnh viện đa khoa Phụ Dực lấy xe mang về nhà T cất giấu. Trên đường về đến nút giao nhau giữa Quốc lộ 10 với đường Thái Hà thuộc địa phận thôn Đ7, xã Đ8, huyện Q1, Tuấn A bảo T tháo biển số xe trộm cắp của anh K ra vứt ở ven đường. Trong khi cùng Thao đi tìm người bán xe, Tuấn A có lên mạng Facebook tìm kiếm và biết được bài đăng của anh K về việc bị trộm cắp chiếc xe mô tô kèm theo số điện thoại để liên lạc nên Tuấn A biết được chiếc xe mô tô trên là do T trộm của anh K. Khoảng 08 giờ ngày hôm sau, Tuấn A đến nhà Tú A2 để hỏi về việc mua bán xe của T trộm cắp và cho Tú A2 xem bài đăng của anh K trên mạng Facebook. Mặc dù Tú A2 biết rõ chiếc xe mô tô mà Tuấn A nhờ bán là xe trộm cắp nhưng do muốn lấy đồng tiền công nên nhận lời tìm người tiêu thụ. Sau khi Tuấn A về, Tú A2 gọi điện cho anh K bảo "Anh ơi có phải anh bị mất xe không, biết thằng này nó nhảy xe của anh nếu anh muốn lấy xe thì sang nhà em nói chuyện", anh K đồng ý. Khoảng 10 giờ cùng ngày, anh K đi cùng với anh Nguyễn Văn K2 và anh Nguyễn Chiến C2 cùng thôn đến nhà Tú A2. Tú A2 gọi điện cho T hỏi giá bán xe bao nhiêu tiền thì Thao bảo 3.000.000 đồng, Tú A2 bảo anh K "nó đòi số tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng", anh K đồng ý đưa cho Tú Anh 4.000.000 đồng để Tú Anh đi lấy xe cho anh K. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T mang xe đến khu vực đền Tứ Phủ, xã A, huyện Q1gặp Tú A2, Tú A2 trả cho Thao 2.000.000 đồng, Thao nhất trí bán và nhận tiền rồi thuê xe ôm đi về trả nợ cho Tuấn A 300.000 đồng (gồm: 50.000 đồng Tuấn A cho T mượn để đi xe ôm ngày 27/3/2023 và 250.000 đồng T vay Tuấn A từ trước đó), số tiền còn lại T để chi tiêu. Còn Tú A mang xe về giao cho anh K và lấy 2.000.000 đồng chi tiêu. Ngày 29/3/2023, anh K đã làm đơn tố giác tội phạm đến Công an huyện Đông Hưng, cùng ngày T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 30/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: Trị giá tài sản chiếc xe mô tô Thao trộm cắp của anh Kiên tại thời điểm bị xâm hại còn 70%, có trị giá là 13.650.000 đồng *(Mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời khai của bị hại, anh Nguyễn Trung K thể hiện: Anh đã được Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô và được 02 bị cáo Lê Ngọc T và Bùi Tú A2 trả lại số tiền 4.000.000 đồng anh đã bỏ ra chuộc xe. Anh không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 60/CT-VKSĐH ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng truy tố bị cáo Lê Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Lã Tiểu Ngọc Tuấn A và Bùi Tú A2 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T từ 09 tháng tù đến 01 năm tù, được trừ thời gian tạm giữ 03 ngày.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 17, 58, 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lã Tiều Ngọc Tuấn A từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Giao bị cáo Lã Tiều Ngọc Tuấn A cho UBND xã Đ2, huyện Đ, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo Lã Tiều Ngọc Tuấn Anh phải chịu hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Nếu trong thời gian thử thách bị cáo Lã Tiều Ngọc Tuấn A cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lã Tiều Ngọc Tuấn A chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17, 58, 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Tú A2 từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Bùi Tú A2 cho UBND xã A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình Bùi Tú A2 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình trong việc giám sát, giáo dục Bùi Tú A.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Các bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều ân hận về hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là lời buộc tội giữa các bị cáo với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại; lời khai của người làm chứng. Các lời khai đều phù hợp về thời gian, địa điểm và loại tài sản bị chiếm đoạt cũng như tiêu thụ; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lê Ngọc T là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Lợi dụng việc anh Nguyễn Trung K sơ hở để chiếc Mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển kiểm soát 17B3-513.40 ở cạnh đường thuộc khu vực cánh đồng thôn B, xã Đ6, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa. Quan sát thấy không có người để ý, trông coi, anh K đang mải hái rau dưới ruộng; T đã lén lút mở khóa điện xe mô tô của anh K và nổ máy tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của anh K, T đã nhờ Lã Tiểu Ngọc Tuấn A và Bùi Tú A2 tiêu thụ lấy tiền chi tiêu. Giá trị chiếc xe mô tô T chiếm đoạt của anh Kiên là 13.650.000 đồng.

Hành vi của Lê Ngọc T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lã Tiểu Ngọc Tuấn A và Bùi Tú A2 mặc dù biết rõ nguồn gốc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 17B3-513.40, do Th trộm cắp mà có nhưng đã tích cực tìm mọi cách để tiêu thụ xe cho Thao. Lã Tiểu Ngọc Tuấn A và Bùi Tú A2 đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Điều 323: Tội chứa chấp hay tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy:

Hành vi của Lê Ngọc T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, làm cho chủ sở hữu tài sản không yên tâm trong việc quản lý tài sản của mình.

Hành vi của Lã Tiểu Ngọc Tuấn A và Bùi Tú A2 đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội.

Lã Tiểu Ngọc Tuấn A và Bùi Tú A2 là đồng phạm trong việc tiêu thụ tài sản do T trộm cắp. Sau khi Tuấn A một mình dẫn T đi tiêu thụ xe trộm cắp không được thì Tuấn A đã tìm đến Tú A2 để nhờ Tú A2 tiêu thụ xe trộm cắp hộ T. Vì vậy, vai trò của Tuấn A trong vụ án lớn hơn vai trò của Tú A.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T, Tuấn A, Tú A2 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Tú A2 và bị cáo T nộp lại số tiền 4.000.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả cho anh K, được hưởng tình tiết giảm nhẹ điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T sau khi phạm tội ra đầu thú và có bố và mẹ đẻ được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên. Hội đồng xét xử thấy: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo T để giáo dục riêng và phòng ngừa chung; đối với bị cáo Lã Tiểu Ngọc Tuấn A và Bùi Tú A2 thì không cần phải bắt chấp hành hành hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, anh Nguyễn Trung K đã được nhận lại chiếc xe bị cáo chiếm đoạt và nhận lại số tiền 4.000.000 đồng anh K bỏ ra chuộc xe; anh K không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[9] Việc quản lý, xử lý vật chứng:

- Chiếc xe đạp cào cào T để lại ở hiện trường là xe của bà Nghiêm Thị Q mẹ đẻ bị cáo T không liên quan đến tội phạm, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Q là phù hợp.

- Đối với chiếc điện thoại Tuấn Asử dụng liên lạc với Tú A2 và Tú A2 liên lạc với T để tiêu thụ chiếc xe T trộm cắp. Các bị cáo khai sau khi sử dụng đã bị mất nên không thu hồi được.

- Số tiền 300.000 đồng nằm trong khoản tiền bán xe trộm cắp Thao trả nợ Tuấn Anh đã vay trước đó, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định việc vay mượn số tiền trên là có thật và Thao đã nộp lại trả cho anh Kiên trong số tiền 2.000.000 đồng nên không xem xét để truy thu.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Lã Tiểu Ngọc Tuấn A và Bùi Tú A2 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc T 01 năm tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, còn phải thi hành 11 tháng 27 ngày tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt Lê Ngọc T đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lã Tiểu Ngọc Tuấn A 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lã Tiểu Ngọc Tuấn A cho UBND xã Đ2, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đang cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58; Điêu 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Tú A2 01 năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Q1, tỉnh Thái Bình nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Bùi Tú A2 cho UBND xã A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Các bị cáo Lê Ngọc T, Lã Tiểu Ngọc Tuấn A và Bùi Tú A2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND H.Đông Hưng;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS H.Đông Hưng;*
- *Công an H.Đông Hưng;*
- *UBND xã Đông Sơn, h. Đông Hưng*;
- *UBND xã An Vinh, h. Quỳnh Phụ*;
- *Lưu hồ sơ vụ án, cơ quan.*

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lê Kiên Trung